

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HS-ST

Ngày: 31-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam.

Thẩm phán: Ông Sùng A Xà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vũ.

Bà Nguyễn Thị Khuyên.

Bà Đinh Thị Kim Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Lò Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 27/12/1957, tại thị xã M, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Tổ X, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; trình độ văn hóa: 2/10; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn B (đã chết) và bà Lò Thị T1 (đã chết); có vợ Khoảng Thị K (tên gọi khác: Hoàng Thị K), sinh năm 1960 và 03 con, con lớn sinh năm 1979, con nhỏ sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên từ ngày 07/11/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Những người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T:

1. Ông Phùng Việt H, Luật sư Văn phòng Luật sư Phùng Việt H, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên, bào chữa theo yêu cầu của gia đình bị cáo (Có mặt tại phiên tòa).

2. Ông Phạm Đình K1, Luật sư Văn phòng Luật sư T2, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên, bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2015, Lò Văn T đi từ Đ lên thị xã M, trên đường đi nhặt được 02 bánh Heroine, T mang về cất giấu ở gần nhà, khoảng 01 tuần sau T mang 02 bánh Heroine về Đ, mục đích để bán. Trên đường về, T nghĩ ở M1 có trạm cảnh sát giao thông, sợ gặp kiểm tra nên khi về tới đỉnh đèo H1, T đã đem 02 bánh Heroine lên rừng cao su cất giấu rồi đi về Đ.

Khoảng đầu tháng 10/2017, T gặp và nhờ Cà Thị D bán Heroine hộ T. Đến khoảng 9 giờ ngày 06/11/2017, một người đàn ông tên S (nhà ở T3) gọi điện cho T giới thiệu là người của Cà Thị D, muốn gặp T để trao đổi mua bán Heroine; T đồng ý và đi xe máy đến địa điểm S hẹn. Đến nơi, S dẫn T đến khách sạn M2, thuộc phường T4, thành phố Đ1. S dẫn T lên phòng nghỉ, trong phòng còn có 01 người đàn ông đang trùm chăn sử dụng ma túy. S nói muốn mua thêm Heroine, T bảo có 02 bánh Heroine, S nói bán cho S với giá 150 triệu đồng, T đồng ý. Sau khi trao đổi xong, T đi xe máy đến địa điểm đã cất giấu 02 bánh Heroine ở đèo H1, lấy 02 bánh Heroine cất vào túi áo khoác mặc trên người rồi đi về thành phố Đ1, cất giấu 02 bánh Heroine ở đồng cột điện để cạnh đường giáp bãi ruộng ở khu vực cầu CY và gọi điện cho S. Sáng hôm sau S gọi điện cho T hẹn gặp, đến điểm hẹn T thấy S và 01 người đàn ông đi từ trong nhà nghỉ T5 đi ra. Gặp nhau T bảo S đi theo T đến địa điểm cất giấu 02 bánh Heroine, khi đi đến khu vực CY thì S điện cho T mang số Heroine trên lên phòng Z nhà nghỉ H2 thuộc tổ G, phường T6, thành phố Đ1, tỉnh Điện Biên. Trong khi T và S cùng 01 người đàn ông trong phòng đang trao đổi mua bán 02 bánh Heroine tại phòng Z nhà nghỉ H2 thì bị Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ của T 02 bánh Heroine có trọng lượng: 698,43 gam.

Tại Bản Kết luận giám định số 97/GĐ-PC54, ngày 20/11/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận: *02 (hai) mẫu chất bột màu trắng gửi đến giám định là ma túy: Loại Heroine; Trọng lượng vật chứng thu giữ của Lò Văn T là 698,43 gam; Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 20, Danh mục I, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013.*

Tại Bản Cáo trạng số 26/CT-VKS-P1 ngày 26/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm: Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 194 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên phạt bị cáo Lò Văn T 20 (hai mươi) năm tù. Không áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo là ông Phạm Đình K1 nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và nhất trí với bản luận tội, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Không phạt bổ sung bằng tiền theo Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo là ông Phùng Việt H đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm các quy định tại Điều 15; Điều 54; điểm t, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Do bị cáo là người dân tộc thiểu số, bị cáo đã có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; bị cáo bị rối loạn tiền đình lúc nhớ lúc quên nên bị hạn chế về khả năng nhận thức; bị cáo phạm tội chưa đạt; bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm và có bố đẻ là Lò Văn B được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo do gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo không tranh luận gì đối với đại diện Viện kiểm sát, không bổ sung gì đối với nội dung bài bào chữa của Luật sư. Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn T:

HĐXX thấy rằng tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm đã phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các bản hỏi cung của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào ngày 07/11/2017.

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để xác định: Hồi 08 giờ 30 phút ngày 07/11/2017, tại nhà nghỉ H2 thuộc tổ dân phố G, phường T6, thành phố Đ1, tỉnh Điện Biên; tổ công tác Phòng PC47, Công an tỉnh Điện Biên đã phát hiện và bắt quả tang Lò Văn T đang mua bán trái phép 698,43 gam Heroine, nhằm mục đích kiếm lời. HĐXX thấy rằng hành vi nêu trên của nguy hiểm cho xã hội bị cáo là đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán 698,43 gam Heroine, do đó bị VKSND tỉnh Điện Biên truy tố, kết luận bị cáo phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét về tính chất của vụ án thấy rằng:

Bị cáo đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy với số lượng 698,43 gam Heroine, do đó bị cáo đã phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vì mục đích tư lợi, bị cáo đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, tiếp tay cho các đối tượng mua bán và sử dụng trái phép chất ma túy, gây tác hại rất lớn về nhiều mặt cho xã hội, là nguồn gốc phát sinh ra các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để đấu tranh ngăn ngừa tội phạm chung trong tình hình hiện nay là cần thiết.

Trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo còn thể hiện các đối tượng: Người phụ nữ tên Cà Thị D, nhà ở chân đèo C gần bản T7 thuộc Đội X, xã H3, huyện Đ là người đã giới thiệu S đến gặp T để mua Heroine. Quá trình điều tra xác minh tại địa chỉ nêu trên không có người phụ nữ nào tên là Cà Thị D, nên không điều tra xác minh làm rõ được. Đối với người đàn ông tên là S, nhà ở huyện T3 và 01 người đàn ông đi cùng S, là người đã mua Heroine của T. Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh nhưng không có địa chỉ rõ ràng, không xác minh làm rõ được nên HĐXX không đề cập xử lý trong vụ án.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo sinh ra và lớn lên tại thị xã M, tỉnh Điện Biên, được nuôi ăn học hết lớp 2/10. Năm 1997 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 14 năm tù về tội giết người và tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, năm 2005 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt được ra trại. Tính đến thời điểm bị cáo phạm tội lần này, bị cáo đã được xóa án tích do đó được coi là chưa có tiền án. Vì vậy, bị cáo không có các tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, do đó HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là ông Lò Văn B được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và bản thân bị cáo đã tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bởi vậy, HĐXX thấy cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở thành con người lương thiện.

Tại phiên tòa, vị đại diện VKSND tỉnh Điện Biên đã đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Lò Văn T mức án 20 (hai mươi) năm tù. HĐXX thấy rằng đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Điện Biên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa, luật sư Phạm Đình K1 người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định đã phân tích tính chất của vụ án, nhân thân bị cáo, nêu ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX sơ thẩm áp dụng điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, HĐXX xét thấy có căn cứ để chấp nhận.

Luật sư Phùng Việt H đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm các quy định tại Điều 15; Điều 54; điểm t, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Do bị cáo là người dân tộc thiểu số, bị cáo đã có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; bị cáo bị rối loạn tiền đình lúc nhớ lúc quên nên bị hạn chế về khả năng nhận thức; bị cáo phạm tội chưa đạt; bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm và có bố đẻ là Lò Văn B được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo do gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo.

HĐXX thấy rằng, bị cáo là dân tộc Thái nên không được coi là dân tộc thiểu số, bị cáo không có hồ sơ bệnh án hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền kết luận mắc vào bệnh gì nên không có căn cứ để xem xét; bị cáo có

hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị bắt quả tang nên không bị coi là phạm tội trong trường hợp chưa đạt theo quy định tại Điều 15 BLHS; bị cáo không có tài liệu hoặc kết luận của cơ quan điều tra về việc đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm nên không có căn cứ để xem xét áp dụng điểm t Khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo cư trú tại tổ X, phường N, thị xã M không thuộc diện Chính phủ quy định sống trong vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và cũng không có sổ hộ nghèo nên không thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Vì vậy, lời bào chữa của luật sư Phùng Việt H về phần này là không có căn cứ để chấp nhận; phần bào chữa đề nghị HĐXX chấp nhận cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 do bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và bị cáo đã có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, lời đề nghị này của luật sư bào chữa, HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét về hình phạt bổ sung bằng tiền: Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy qua điều tra xác minh công khai tại phiên tòa và tại biên bản xác minh tài sản của cơ quan điều tra ngày 06/6/2018 (Bút lục số 111) thể hiện bị cáo không có điều kiện để thi hành hình phạt bổ sung, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu toàn bộ số ma túy đã thu giữ của bị cáo Lò Văn T để tiêu hủy.

- Tịch thu tiêu hủy 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số: 001531 mang tên Giàng Thị T7, đăng ký xe BKS: 27X1-007.32 và 01 giấy chứng minh nhân dân số: 040424046 mang tên Giàng Thị T7.

- Tịch thu 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA (WAVE RSX) màu đỏ - đen - xám, biển kiểm soát: 27X1-007.32 và 01 chiếc điện thoại kiểu phím bấm, màu đỏ đen, hiệu GIONEE, loại L800 là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên sung quỹ nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Lò Văn T 01 giấy phép lái xe số: 110080000424 mang tên Lò Văn Tình.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lò Văn T có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Văn T 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 07/11/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

**** Tịch thu tiêu hủy:***

- 01 phong bì niêm phong vật chứng của Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Điện Biên, các mép được dán kín. Mặt trước phong bì ghi chữ đánh máy: Vật chứng thu giữ của Lò Văn T – SN: 1957, chỗ ở: Tổ X, phường N – TX M, tỉnh Điện Biên, bị phòng PC47 – Công an tỉnh Điện Biên, bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy vào ngày 07/11/2017. Số lượng gồm 02 bánh chất bột màu trắng Heroine, tổng trọng lượng = 698,43 gam, đã trích tổng 02 mẫu gửi giám định = 10,88 gam. Tổng trọng lượng còn lại = 687,55 gam.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số: 001531 mang tên Giàng Thị T7, đăng ký xe BKS: 27X1 – 007.32.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số: 040424046 mang tên Giàng Thị T7.

**** Tịch thu bán sung ngân sách Nhà nước:***

- 01 chiếc điện thoại kiểu phím bấm, màu đỏ đen, hiệu GIONEE, loại L800, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA (WAVE RSX) màu đỏ - đen - xám, biển kiểm soát: 27X1-007.32, số máy: JC52E-5106342; Số khung: RLHJC5225CY662850.

**** Trả lại cho bị cáo Lò Văn T:***

- 01 giấy phép lái xe số: 110080000424 mang tên Lò Văn T.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 27/7/2018).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/8/2018).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo Lò Văn T;
- Người bào chữa ông Phùng Việt H; ông Phạm Đình K1.
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND Phường N (Thông báo);
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Văn Nam